

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 32/2019/HS-ST

Ngày 28/6/2019.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hưng Thủy**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Mai Dung**
2. Ông **Lê Xuân Trường**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phùng Thị Hoàng Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2019/TLST- HS, ngày 17 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST - HS ngày 17/6/2019. Đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Đức C**, Sinh ngày 12/9/1995 tại thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu 10, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Đặng Xuân C (đã chết) và bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1974;

Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" tại xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại:

Anh **Phạm Văn B**, sinh năm: 1989 (Vắng mặt).

Trú tại: Khu N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh **Phạm Văn Q**, sinh năm: 1992,
Trú tại: Khu 9, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Anh **Phạm Hồng T**, sinh năm 1988,
Trú tại: khu 7, phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).
2. Chị **Chu Thị D**, sinh năm 1991,
Trú tại: xã P, huyện T, thành phố Hà Nội (Vắng mặt).
3. Anh **Nguyễn Văn Bích**, sinh năm 1994;
Trú tại: Khu 1 xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).
4. Chị **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1974;
Trú tại: Khu 10 xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 09/6/2018, Đặng Đức C, trú tại: khu 10, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ điều khiển xe mô tô BKS 30N3 - 3455 nhãn hiệu Piaggio, loại xe Liberty, màu trắng là xe của C, đi đến quán ăn ở khu 17, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ của anh Phạm Văn B, sinh năm: 1989, trú tại: khu N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Tại đây, C đã đặt vấn đề cầm cố xe mô tô BKS 30N3-3455 nhưng anh B không nhận cầm cố mà đồng ý mua lại chiếc xe mô tô trên. C đồng ý bán chiếc xe mô tô BKS 30N3 – 3455 cho anh B với giá 20.000.000 đồng. Anh B đã trả đủ cho C số tiền 20.000.000 đồng, C viết giấy bán xe, bàn giao xe cùng giấy đăng ký xe mô tô BKS 30N3 - 3455 cho anh B. Vì không có phương tiện đi lại nên ngay lúc đó, C đã hỏi mượn anh B 01 chiếc xe mô tô để đi lại hàng ngày, anh B đồng ý cho C mượn chiếc xe mô tô BKS 19M1- 029.22 nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn đen - trắng. C sử dụng chiếc xe trên để đi lại, đến ngày 06/8/2018, do không có tiền chi tiêu cá nhân nên C đến quán bi-a ở khu 15, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ của anh Phạm Văn Q, sinh năm: 1992, trú tại: khu 9, xã X, huyện L, tỉnh Phú Thọ cầm cố xe mô tô BKS 19M1 – 029.22 để vay anh Q số tiền 5.000.000 đồng. Số tiền vay được C đã chi tiêu cá nhân hết, C không có tiền trả cho anh Q để lấy xe về trả cho anh B. Anh B nhiều lần gọi điện để đòi xe nhưng C không mang xe đến trả. Ngày 11/01/2019

anh B đã đến Công an thị xã P trình báo sự việc và đề nghị xử lý Công theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/01/2019, cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã P đã tạm giữ của Phạm Văn Q 01 xe mô tô BKS 19M1 - 029.22 nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius màu đen - trắng và 01 giấy vay tiền đề ngày 06/8/2018, bên vay là Đặng Đức C, trú tại: khu 10, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, bên cho vay là cửa hàng Tuấn T địa chỉ: khu 10, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ, chữ ký người cho vay là Phạm Văn Q (bản gốc).

Ngày 11/01/2019 Cơ quan CSĐT - Công an thị xã P đã yêu cầu định giá tài sản đối với xe mô tô BKS 19M1 – 029.22 nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius. Tại bản kết luận định giá tài sản số 246/2019/KL – ĐGTS ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thị xã P kết luận: Giá trị của tài sản là 4.800.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm ngàn đồng chẵn*).

Tại cơ quan điều tra, Đặng Đức C đã khai nhận toàn bộ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của mình như đã nêu trên. Ngày 11/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã P đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Đặng Đức C về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 175 - Bộ luật hình sự.

Phục vụ công tác điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã P đã tạm giữ của anh Phạm Văn B: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy BKS 19M1 - 029.22 số 002499 ngày 14/12/2011 mang tên Phạm Hồng T (bản gốc), 01 giấy bán xe mô tô BKS 19M1 – 029.22 đề ngày 26/01/2018 giữa người bán Phạm Hồng T và người mua Phạm Văn B (bản gốc), 01 giấy bán xe BKS 30N3 - 3455 đề ngày 23/9/2017 giữa người bán: Chu Thị D và người mua: Đặng Đức C (bản gốc), 01 giấy bán, cho, tặng, xe BKS 30N3 – 3455 đề ngày 09/6/2018 giữa người bán: Đặng Đức C và người mua: Phạm Văn B (bản gốc).

Kết quả điều tra xác định, xe mô tô BKS 19M1 - 029.22 là xe của anh Phạm Văn B mua lại của anh Phạm Hồng T, sinh năm 1988, trú tại: khu 7, phường T, thị xã P, tỉnh Phú Thọ ngày 26/01/2018 với giá 7.000.000 đồng. Đối với xe mô tô BKS 30N3 - 3455, ngày 23/9/2017, Đặng Đức C mua của chị Chu Thị D, sinh năm: 1991, trú tại: xã P, huyện T, thành phố Hà Nội chiếc xe trên với giá 35.000.000 đồng, đến ngày 09/6/2018, C đã bán lại chiếc xe trên cho Phạm Văn B với giá 20.000.000 đồng. Quá trình mua bán các bên đều viết giấy

bán xe nhưng không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Giấy đăng ký xe mô tô BKS 30N3 -3455 mang tên Chu Thị D, anh B khai nhận anh đã làm rơi mất, hiện không tìm thấy.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và thành khẩn khai báo. Đồng thời bố để bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng thưởng danh hiệu chiến sĩ giỏi và huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2, điều 51 - Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về vật chứng, đồ vật, tài sản tạm giữ gồm: 01 xe mô tô BKS 19M1 - 029.22; 01 giấy vay tiền đề ngày 06/8/2018 tạm giữ của Phạm Văn Q và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy BKS 19M1 - 029.22; 01 giấy bán xe mô tô BKS 19M1 – 029.22 đề ngày 26/01/2018; 01 giấy bán xe BKS 30N3 - 3455 đề ngày 23/9/2017; 01 giấy bán, cho, tặng, xe BKS 30N3 – 3455 đề ngày 09/6/2018 tạm giữ của Phạm Văn B. Kết quả điều tra xác định 01 xe mô tô BKS 19M1 - 029.22, 01 giấy vay tiền đề ngày 06/8/2018 là vật chứng của vụ án; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 19M1 - 029.22, 03 giấy bán xe là tài sản cá nhân của anh B, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với 01 giấy vay tiền đề ngày 06/8/2018 tạm giữ của Phạm Văn Q là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của Đặng Đức C, được lưu trong hồ sơ vụ án. Còn lại các vật chứng, tài sản khác, xét thấy việc trả lại các tài sản đó không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên ngày 23/4/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã P đã trả lại cho anh Phạm Văn B là chủ sở hữu hợp pháp, anh B đã nhận lại xe mô tô cùng các giấy tờ và không yêu cầu, đề nghị gì đối với C.

Ngày 28/02/2019 Đặng Đức C đã trả cho anh Phạm Văn Q số tiền 5.000.000 đồng mà C đã cầm cố xe mô tô BKS 19M1 - 0292.22 để vay của anh Q ngày 06/8/2018. Anh Q đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu C phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác mà Đặng Đức C thực hiện được chứng minh bằng đơn trình báo của bị hại, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, lời khai của người bị hại, người liên quan, biên

bản đối chất, lời khai nhận tội của bị cáo cùng tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay Đặng Đức C đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng, phù hợp về thời gian, địa điểm phạm tội, cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 31/CT-VKSTXPT ngày 16/5/2019 VKSND thị xã P đã quyết định truy tố bị cáo Đặng Đức C ra trước TAND thị xã P để xét xử về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” Theo quy định tại khoản 1 Điều 175- Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi đại diện VKSND thị xã P vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo C và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Đặng Đức C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”,

Áp dụng khoản 1 Điều 175 điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51- BLHS.

Đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Đức C từ 06 đến 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo điều luật cho bị cáo Đặng Đức C.

Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 106 – BLTTHS.

Về trách nhiệm dân sự:

Đề nghị xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã P đã trả lại cho anh Phạm Văn B 01 xe mô tô BKS 19M1 - 029.22; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 19M1 - 029.22, 03 giấy bán xe vào ngày 23/4/2019 là hợp pháp.

Đề nghị xác nhận bị cáo Đặng Đức C đã trả cho anh Phạm Văn Q số tiền 5.000.000 đồng mà C đã cầm cố xe mô tô BKS 19M1 – 029.22 Ngày 28/02/2019 là hợp pháp.

Về vật chứng:

Lưu trong hồ sơ vụ án 01 giấy vay tiền bản gốc đề ngày 06/8/2018, bên vay là Đặng Đức C, trú tại: khu 10, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, bên cho vay là cửa hàng T địa chỉ: khu 10, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa bị cáo Đặng Đức C hoàn toàn thừa nhận đã có hành vi phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như đã nêu trong bản cáo trạng, không có lời bào chữa nào khác và xin HĐXX xem xét chiều cố giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã khai báo đầy đủ, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Ngày 09/6/2018, tại khu 17, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, Đặng Đức C đã lợi dụng việc quen biết, mượn chiếc xe mô tô BKS 19M1 - 029.22 nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu sơn trắng - đen của anh Phạm Văn B, sau đó đem cầm cố lấy 5.000.000 đồng để tiêu sài cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại chiếc xe mô tô cho anh B.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 246/2019/KL - ĐGTS ngày 28/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thị xã P kết luận: Trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 4.800.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm ngàn đồng chẵn*).

Cơ quan điều tra đã thu hồi được tài sản bị chiếm đoạt và đã trả lại cho người bị hại.

Quá trình điều tra và tại phiên Tòa hôm nay bị cáo Đặng Đức C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật thì bị cáo C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175- BLHS.

Điều 175- BLHS quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới

4.000.000đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168,169,170,171,172,173,174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a.

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.”

Cáo trạng của VKSND thị xã P truy tố bị cáo Đặng Đức C về tội danh và điều luật như đã viện dẫn là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất của vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Tội phạm do bị cáo thực hiện đã gây hoang mang, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, xâm phạm đến an ninh trật tự, an toàn xã hội vì vậy vụ án này cần phải đưa ra xét xử kịp thời mới có giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân: Bị cáo tuổi đời còn rất trẻ, chưa có tiền án, tiền sự, đáng lẽ ra bị cáo phải bỏ sức lao động của mình để làm ăn chân chính để tạo ra của cải vật chất, nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc đó mà lợi dụng lòng tin của người khác để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có trình độ hiểu biết, biết được hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình đem tài sản của người khác đi cầm cố để lấy tiền tiêu sài cá nhân, sau đó không có khả năng chuộc lại tài sản đã cầm cố để trả cho người bị hại. Trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đôi khi còn có thái độ không chấp hành đúng ngày, giờ mà các cơ quan tiến hành tố tụng có yêu cầu, điều đó chứng tỏ bị cáo vẫn chưa có ý thức chấp hành pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra giải quyết vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do đó HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 - BLHS. Ngoài ra bị cáo có bố đẻ trong công tác được tặng danh hiệu Chiến sỹ giỏi và được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng nhì, nên HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 2 Điều 51 – BLHS.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào. Đáng lẽ ra bị cáo phải bị áp dụng một hình phạt tù có thời hạn để bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật đối với người phạm tội, nhưng xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định và sự khoan hồng của pháp luật, tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình đã gây ra, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần có một hình phạt cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát giáo dục của gia đình và của chính quyền địa phương, nơi bị cáo cư trú cũng đủ giáo dục trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, tuy nhiên cũng cần phải có một thời gian thử thách nhất định giành cho bị cáo, để cho bị cáo có thời gian rèn luyện, tu dưỡng bản thân, cải tà quy chính để trở thành người lương thiện.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 - BLHS người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Qua điều tra xác minh bị cáo không có tài sản riêng, làm nghề nghiệp tự do, nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung theo điều luật cho bị cáo C là phù hợp.

[3] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng:

Cần xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho anh Phạm Văn B 01 xe mô tô BKS 19M1 - 029.22; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 19M1 - 029.22 và 03 giấy bán xe vào ngày 23/4/2019 là hợp pháp.

Xác nhận bị cáo Đặng Đức C đã trả cho anh Phạm Văn Q số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 28/02/2019 là hợp pháp.

Lưu trong hồ sơ vụ án 01 giấy vay tiền bản gốc đề ngày 06/8/2018, bên vay là Đặng Đức C, trú tại: khu 10, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, bên cho vay là cửa hàng T địa chỉ: khu 10, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Trong vụ án này có anh Phạm Văn Q là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 19M1 – 029.22 để cho Đặng Đức C vay 5.000.000 đồng, kết quả điều tra xác định anh Q không biết nguồn gốc tài sản mà C đem cầm cố là do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý hình sự đối với Q là phù hợp, nhưng cần phải xử lý hành chính đối với anh Q về lĩnh vực an ninh, trật tự như hành vi không có giấy phép kinh doanh kinh doanh ngành, nghề có điều kiện.

[4] Về án phí:

Buộc bị cáo C phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên VKSND thị xã P tại phiên tòa về tội danh và điều luật áp dụng phù hợp với nhận định trên của HĐXX, nên cần chấp nhận. Riêng đối với hình phạt Kiểm sát viên đề nghị phạt bị cáo mức án tù có thời hạn, mặc dù vẫn trong khung hình phạt của điều luật, nhưng xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo chưa cần thiết cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần có một hình phạt cải tạo tại địa phương và một thời gian thử thách nhất định cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, do đó áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo là phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên:

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 175; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1,2, 5 Điều 65 - BLHS; Điểm d khoản 1 Điều 125 - BLTTHS.

Tuyên bố bị cáo **Đặng Đức C** phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Đặng Đức C 18 (Mười tám)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **36 (Ba mươi sáu)** tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 28/6/2019).

Giao bị cáo **Đặng Đức C** cho UBND xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Trường hợp bị cáo C thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Bị cáo C) cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung theo quy định tại điều luật cho bị cáo C.

Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 51/2019/LCĐKNCT, ngày 17/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Phú Thọ cho bị cáo **Đặng Đức C**.

Áp dụng 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 – BLHS, Điểm a,b khoản 3 Điều 106 - BLTTHS.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Phú Thọ đã trả lại cho anh Phạm Văn B 01 xe mô tô BKS 19M1 - 029.22; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 19M1 - 029.22, 03 giấy bán xe vào ngày 23/4/2019 là hợp pháp.

Xác nhận bị cáo Đặng Đức C đã trả cho anh Phạm Văn Q số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) vào ngày 28/02/2019 là hợp pháp.

[3] Về vật chứng

Lưu trong hồ sơ vụ án 01 giấy vay tiền bản gốc đề ngày 06/8/2018, bên vay là Đặng Đức C, trú tại: khu 10, xã P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, bên cho vay là cửa hàng T địa chỉ: khu 10, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

[4] Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 – BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Đặng Đức C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được THADS, người phải THADS có quyền thoả thuận THA, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật THADS; Thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo C (Có mặt) được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh P để yêu cầu xét xử phúc thẩm, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Vắng mặt) được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh P để yêu cầu xét xử phúc phẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi gửi:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND thị xã Phú Thọ;
- Công an thị xã Phú Thọ;
- UBND xã Phú Hộ;
- Sở tư pháp;
- THAHS;
- Chi cục THADS;
- Bị cáo;
- Lưu HS-VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Hưng Thủy